

Số: **5227** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày **07** tháng **12** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hướng dẫn các yêu cầu năng lực đối với
cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin ngành y tế.**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 5/5/2015 của Bộ thông tin và truyền thông quy định chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn các yêu cầu năng lực đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin ngành y tế”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc/trực thuộc Bộ Y tế và các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*h*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (đề b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, CNTT(2).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Quang Cường

**HƯỚNG DẪN CÁC YÊU CẦU NĂNG LỰC ĐỐI VỚI CÁN BỘ
CHUYÊN TRÁCH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÀNH Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **5227**/QĐ-BYT ngày **07** tháng **12** năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

I. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này hướng dẫn các yêu cầu năng lực đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các đơn vị trong ngành y tế.
2. Hướng dẫn này là cơ sở cho các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế (sau đây gọi tắt là đơn vị) xây dựng các kế hoạch, chương trình đào tạo, tập huấn nhằm bồi dưỡng năng lực cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của đơn vị.

II. Giải thích từ ngữ

Trong Hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động y tế*: là các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong lĩnh vực: y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, kiểm nghiệm, pháp y, pháp y tâm thần, y dược cổ truyền, sức khỏe sinh sản, trang thiết bị y tế, dược, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, bảo hiểm y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, đào tạo và các hoạt động hành chính trong các cơ quan, đơn vị thuộc ngành y tế.
2. *Hệ thống thông tin y tế* (gọi tắt là hệ thống): là hệ thống phần cứng, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính được xây dựng phục vụ cho các hoạt động y tế.
3. *Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin y tế*: là cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị trong ngành y tế được phân công thực hiện nhiệm vụ chuyên trách công nghệ thông tin tại đơn vị.

III. Yêu cầu năng lực đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin y tế

1. Hiểu biết về môi trường làm việc

- a. Hiểu biết nội dung cơ bản về nguyên tắc, mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ các tuyến y tế trong mạng lưới y tế Việt Nam.
- b. Hiểu biết nội dung cơ bản về các văn bản chiến lược, chính sách liên quan tới lĩnh vực quản lý của đơn vị.

c. Nắm vững quy định về tiêu chuẩn đạo đức, quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức ngành y tế.

2. Nhận thức về tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế

a. Nắm được tầm quan trọng và tính hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.

b. Nắm được các yêu cầu về đảm bảo bí mật thông tin y tế theo quy định của Bộ Y tế.

c. Nắm được các yêu cầu về đảm bảo an toàn dữ liệu đối với các hệ thống theo quy định của Chính phủ và của Bộ Y tế.

3. Hiểu biết cơ chế, chính sách và chiến lược phát triển công nghệ thông tin và công nghệ thông tin ngành y tế

a. Hiểu biết nội dung cơ bản các văn bản về chiến lược, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn khác của Đảng, Nhà nước về công nghệ thông tin.

b. Hiểu biết nội dung cơ bản về chiến lược, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn khác về công nghệ thông tin do Bộ Y tế ban hành.

c. Nắm vững và am hiểu các nội dung trong các văn bản hướng dẫn về công nghệ thông tin liên quan tới lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

d. Tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước về công nghệ thông tin theo quy định và nhu cầu công việc.

4. Kỹ năng trong giao tiếp, cộng tác

a. Kỹ năng trình bày, nâng cao nhận thức cho cán bộ y tế và người dân, cộng đồng về ứng dụng công nghệ thông tin.

b. Kỹ năng trao đổi, phân tích để nắm bắt được nhu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ y tế, người dân, doanh nghiệp.

c. Kỹ năng thu thập yêu cầu người dùng, quy trình chuyên môn nghiệp vụ y tế chuyển đổi thành các yêu cầu công nghệ thông tin phục vụ xây dựng, vận hành các hệ thống chuyên ngành của đơn vị.

d. Khả năng cộng tác, trao đổi nhanh chóng, hiệu quả với đồng nghiệp, cán bộ y tế và người dân, doanh nghiệp trong quá trình triển khai, vận hành dự án công nghệ thông tin.

đ. Nắm được và tuân thủ các nguyên tắc bảo mật thông tin y tế theo quy định của Bộ Y tế khi giao tiếp, cộng tác.

e. Có khả năng trình bày và viết đề xuất các giải pháp phù hợp liên quan tới hệ thống được giao.

5. Năng lực về chuyên môn công nghệ thông tin y tế

a. Nắm vững các thuật ngữ chuyên môn y tế và công nghệ thông tin liên quan tới các hệ thống được giao xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác.

b. Nắm vững và am hiểu các yêu cầu nghiệp vụ liên quan tới các hệ thống của đơn vị được giao xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác.

c. Nắm vững kiến trúc hệ thống, chức năng hệ thống, công nghệ và tiêu chuẩn công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin y tế của các hệ thống chuyên ngành của đơn vị khi tham gia xây dựng, triển khai các hệ thống này.

d. Có kiến thức, kỹ năng liên quan khi tổ chức, triển khai, duy trì, khai thác các hệ thống chuyên ngành tại đơn vị.

đ. Nắm vững và am hiểu quy trình xây dựng kế hoạch, phương pháp lập kế hoạch, phương pháp giám sát thực hiện kế hoạch và kiến thức, kỹ năng về quản lý dự án đầu tư công nghệ thông tin khi tham gia xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.

e. Có kỹ năng quản lý, giám sát, đánh giá chất lượng đối với các hệ thống có nhu cầu hoặc đang sử dụng, thuê dịch vụ của đơn vị.

g. Có kiến thức thực tiễn, kỹ năng giảng dạy, trình bày và sử dụng thành thạo các công cụ giảng dạy trực quan khi tham gia hướng dẫn, đào tạo, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin.

h. Có kiến thức, kỹ năng về các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin y tế phù hợp với các quy định của Chính phủ và Bộ Y tế khi tổ chức triển khai các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cho đơn vị.

i. Đáp ứng yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng liên quan tới các công việc được giao quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 5/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin chuyên nghiệp và phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

6. Năng lực về học tập, tự nâng cao trình độ

a. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và ứng dụng kiến thức về công nghệ thông tin y tế vào công việc hàng ngày.

b. Hiểu biết và cập nhật thường xuyên các kiến thức, công nghệ liên quan tới các hệ thống được giao quản lý, vận hành, khai thác.

c. Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong việc đọc, hiểu tài liệu về chuyên môn, giao tiếp trong các tình huống chuyên môn thông thường và có thể viết được báo cáo với các nội dung cơ bản về công nghệ thông tin y tế.

d. Có kỹ năng thu thập, phân tích và sử dụng các thông tin về công nghệ thông tin y tế trong nước và quốc tế. /.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG *lq*



Lê Quang Cường

www.LuatVietnam.vn